

Ngày soạn: 15/12/2024	Tiết PPCT	Ngày dạy	25/12/2024
	62	Lớp	9D
		Tiết (TKB)	4(chiều)

BÀI 5. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI
TIẾT 62: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
Câu đơn, câu ghép
(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS xác định đúng câu đơn, câu ghép, các kiểu câu ghép trong VB, các phương tiện nối các vế trong câu ghép, khả năng biểu đạt khác nhau giữa câu đơn và câu ghép,
- Biết sử dụng câu đơn, câu ghép phù hợp với mục đích giao tiếp

2. Năng lực

a. Năng lực chung

Năng lực giao tiếp, hợp tác lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

b. Năng lực đặc thù

Năng lực sử dụng ngôn ngữ Tiếng Việt

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, tự giác học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV; tài liệu tham khảo về văn bản nghị luận xã hội, máy tính...

2. Học sinh

- Đọc VB, soạn bài
- SGK, vở ghi, đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo kiến thức nền thông qua kiểm tra phần chuẩn bị bài ở nhà của HS về câu đơn, câu ghép; tạo không khí học tập sôi nổi, kết nối với phần làm bài tập thực hành.

b. Nội dung: GV sử dụng kĩ thuật tổ chức trò chơi, đặt câu hỏi để bước đầu định hướng vào nội dung kiến thức tiếng Việt.

c. Sản phẩm: Kết quả tham gia trò chơi của HS.

d. Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi “**Học mà chơi - Chơi mà học**” với luật chơi:
 - + Trả lời câu hỏi có liên quan kiến thức về câu đơn, câu ghép hoặc thể hiện năng khiếu hát, múa, đọc thơ,...
 - + HS được lựa chọn tham gia chơi bằng hình thức quay tên ngẫu nhiên.
 - + Mỗi HS chỉ được tham gia một lượt chơi và được chọn phần thưởng (một tràng pháo tay, một cây bút, một phần quà...).

- HS lắng nghe luật chơi và chuẩn bị tham gia trò chơi.
- GV tổ chức trò chơi và xử lí tình huống (nếu có)
- GV tổng kết trò chơi, nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia của HS và kết nối vào bài học.

CÂU HỎI TRÒ CHƠI “Học mà chơi - Chơi mà học”

Câu 1. Thế nào là câu đơn?

Đáp án: Câu đơn là câu do một cụm chủ vị nòng cốt (cụm CV không bị bao chứa trong cụm từ chính phụ hoặc cụm chủ vị khác) tạo thành, mỗi cụm chủ vị đó được gọi là một vế câu.

Câu 2. Thế nào là câu ghép?

Đáp án: Câu ghép là câu do hai hoặc nhiều cụm CV nòng cốt ghép lại với nhau tạo thành, mỗi cụm CV đó được gọi là một vế câu.

Câu 3. Khi biểu thị một nội dung phức tạp (gồm các sự việc có quan hệ chặt chẽ với nhau), chúng ta nên sử dụng kiểu câu nào?

Đáp án: Khi biểu thị một nội dung phức tạp (gồm các sự việc có quan hệ chặt chẽ với nhau), chúng ta nên sử dụng kiểu câu ghép.

Câu 4. Nêu các kiểu câu ghép và đặc điểm của từng kiểu câu?

Đáp án: Có hai kiểu câu ghép:

- Câu ghép đẳng lập: là câu ghép do các vế câu có quan hệ bình đẳng với nhau tạo thành.
- Câu ghép chính phụ: là câu ghép do các vế câu có quan hệ phụ thuộc với nhau tạo thành.
- Ví dụ: Nếu tôi học chăm chỉ thì tôi sẽ đạt được học lực giỏi. (Câu ghép chính phụ)

Câu 5. Nêu cách nối các vế trong câu ghép?

Đáp án: Cách nối các vế trong câu ghép:

- Nói trực tiếp
- Nói bằng kết từ
- Có thể nói bằng các kết từ, cặp kết từ; phó từ, cặp phó từ; cặp đại từ.

Câu 6. Hãy hát một đoạn bài hát hoặc đọc một bài thơ mà em yêu thích? Chỉ ra một từ ghép xuất hiện trong bài hát hoặc bài thơ đó.

Đáp án: HS tự thực hiện.

*** Các phần quà:**

- Bạn được thưởng một trào pháo tay thật to của cả lớp.
- Bạn được tặng một chiếc bút bi xinh xắn.
- Bạn được tặng một hộp màu để thương.

2. Hoạt động 2: Thực hành

- a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức tiếng Việt để:
- Nhận biết được câu đơn, câu ghép.
 - Xác định, phân biệt được các kiểu câu ghép.
 - Biết phân tích cấu tạo của câu: xác định được cụm chủ vị, chủ ngữ, vị ngữ trong câu đơn; chỉ ra các vế câu trong mỗi câu ghép; chủ ngữ, vị ngữ của mỗi vế câu.
 - Chỉ ra được các phương tiện dùng để nối các vế câu trong câu ghép và mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các vế câu.
- b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH đàm thoại gợi mở, hợp tác; kĩ thuật dạy học chia nhóm, động não hướng dẫn HS hoàn thành các bài tập.

Cách thức tổ chức HĐ		Dự kiến sản phẩm			
<p>* HĐ1: GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập 1 và thực hiện PHT số 1.</p>		1. Bài tập 1			
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1					
<p>Xếp các câu sau vào nhóm phù hợp và chỉ ra chủ ngữ, vị ngữ của các cụm chủ vị vào bảng bên dưới:</p> <p>a) <i>Thưa thầy, giá nhà con khoẻ khoắn, thì nhà con chả dám kêu.</i> (Nguyễn Công Hoan)</p> <p>b) <i>Trên diện tích không rộng, mọc lên hàng nghìn đảo đá muôn hình muôn vẻ, tựa tấm thảm xanh lộng lẫy, lấp lánh vô số châu ngọc.</i> (Thi Sảnh)</p> <p>c) <i>Mừng đi trước dẫn đường, Nghi dắt ngựa theo sau.</i> (Phùng Quán)</p> <p>d) <i>Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi.</i> (Nguyễn Quang Sáng)</p> <p>e) <i>Em ngủ và chị cũng thiu thiu ngủ theo.</i> (Băng Sơn)</p>					
Nhóm câu đơn	Câu	Cụm chủ vị nòng cốt (không bị bao chứa)		Cụm chủ vị không làm nòng cốt câu (bị bao chứa trong cụm từ)	
		Chủ ngữ	Vị ngữ	Chủ	Vị

Nhóm câu ghép chính phụ	Câu	Cụm chủ vị chính		Cụm chủ vị phụ thuộc	
		Chủ ngữ	Vị ngữ	Chủ ngữ	Vị ngữ
Nhóm câu ghép đẳng lập	Câu	Cụm chủ vị thứ nhất		Cụm chủ vị thứ hai	
		Chủ ngữ	Vị ngữ	Chủ ngữ	Vị ngữ

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS HĐ nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ giáo viên giao.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2 đến 3 HS báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình; các nhóm khác quan sát, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chốt đáp án, khắc sâu kỹ năng phân tích, phân loại câu theo cấu tạo.

*** Dự kiến sản phẩm:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1					
Nhóm câu đơn	Câu	Cụm chủ vị nòng cốt (không bị bao chứa)		Cụm chủ vị không nòng cốt (bị bao chứa trong cụm từ)	
		Chủ ngữ	Vị ngữ	Chủ	Vị
Nhóm câu đơn	b	<i>hàng nghìn đảo đá... vô số châu ngọc</i>	<i>mọc lên. (VN đảo trước CN)</i>	Không có	Không có
	d	<i>Chúng tôi</i>	<i>đều <u>trông</u> con bé sẽ đứng yên đó thôi</i>	<i>con bé</i>	<i>sẽ đứng yên đó thôi</i>
Nhóm câu ghép chính	Câu	Cụm chủ vị chính		Cụm chủ vị phụ thuộc	
		Chủ ngữ	Vị ngữ	Chủ ngữ	Vị ngữ
	a	<i>nhà con</i>	<i>chả dám kêu</i>	<i>nhà con</i>	<i>khoẻ khoắn</i>

phụ					
Nhóm câu ghép đẳng lập	Câu	<i>Cụm chủ vị thứ nhất</i>		<i>Cụm chủ vị thứ hai</i>	
		Chủ ngữ	Vị ngữ	Chủ ngữ	Vị ngữ
	c	<i>Mình</i>	<i>đi trước dẫn đường</i>	<i>Nghi</i>	<i>dắt ngựa theo sau</i>
	e	<i>em</i>	<i>ngủ</i>	<i>chị</i>	<i>cũng thiu thiu ngủ theo</i>

* HĐ2: GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập 2: Tìm các kết từ dùng để nối các vế câu trong những câu ghép. Chỉ ra mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các vế câu; yêu cầu HS làm việc cá nhân để hoàn thành trên PHT số 2.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2		
Câu	Kết từ nối các vế	Quan hệ ngữ nghĩa
a)		
b)		
c)		
d)		

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS hoàn thiện nhiệm vụ vào PHT

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trao đổi chéo PHT để nhận xét, bổ sung cho nhau. Gọi 2 đến 3 HS trình bày sản phẩm; các nhóm khác quan sát, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, chốt đáp án, khắc sâu kĩ năng sử dụng kết từ và chú ý mối quan hệ ngữ nghĩa

2. Bài tập 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2		
Câu	Kết từ/ cặp kết từ nối các vế	Quan hệ ngữ nghĩa
a)	<i>cặp kết từ vì... nên...,</i>	<i>mối quan hệ nhân quả giữa các vế câu</i>
b)	<i>cặp kết từ nếu... thì...,</i>	<i>quan hệ điều kiện - kết quả giữa các vế câu</i>
c)	<i>kết từ tuy</i>	<i>biểu thị mối quan hệ nhượng bộ giữa các vế câu</i>
d)	<i>kết từ rồi</i>	<i>biểu thị quan hệ nối tiếp giữa các vế câu</i>

giữa các vế câu trong câu ghép.																																				
<p>* HĐ3: GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 3</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập: Tìm câu ghép trong các đoạn văn. Cho biết vì sao không thể tách mỗi vế câu trong những câu ghép ấy thành một câu đơn; yêu cầu HS làm việc nhóm bàn để hoàn thành các yêu cầu trên PHT số 3.</p>		<p>3. Bài tập 3</p>																																		
<table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <th colspan="3">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3</th> </tr> <tr> <th>Đoạn văn</th> <th>Câu ghép</th> <th>Tại sao không tách các vế thành câu đơn</th> </tr> <tr> <td>a)</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>b)</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>c)</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>d)</td> <td></td> <td></td> </tr> </table>		PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3			Đoạn văn	Câu ghép	Tại sao không tách các vế thành câu đơn	a)			b)			c)			d)			<table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <th colspan="3">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3</th> </tr> <tr> <th>Đoạn văn</th> <th>Câu ghép</th> <th>Giải thích lí do</th> </tr> <tr> <td>a)</td> <td><i>Nhưng vì Choắt bám sinh yếu đuối nên tôi coi thường...</i></td> <td>Các vế câu có quan hệ ngữ nghĩa rất chặt chẽ với nhau (quan hệ nhân quả).</td> </tr> <tr> <td>b)</td> <td><i>Kể từ hôm đó, ... bị đẩy ra ngoài.</i></td> <td>Các vế câu trong câu ghép này có quan hệ ngữ nghĩa rất chặt chẽ với nhau (quan hệ nhượng bộ)</td> </tr> <tr> <td>c)</td> <td>- C2: <i>Buổi sớm ... mới quang (3 vế)</i> - C3: <i>(Buổi chiều ... mặt biển (2 vế)</i></td> <td>Các vế câu này thể hiện những hiện tượng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau: - C2: ba vế câu chỉ ba hiện tượng có chung bối cảnh thời gian là <i>buổi sớm</i> và có mối quan hệ nhân quả: <i>Mặt Trời lên ngang cột buồm - sương tan - trời mới quang.</i> - C3: hai vế câu chỉ hai hiện tượng có chung bối cảnh thời gian (<i>buổi chiều</i>) và cũng có mối quan hệ nhân quả: <i>nắng vừa</i></td> </tr> </table>		PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3			Đoạn văn	Câu ghép	Giải thích lí do	a)	<i>Nhưng vì Choắt bám sinh yếu đuối nên tôi coi thường...</i>	Các vế câu có quan hệ ngữ nghĩa rất chặt chẽ với nhau (quan hệ nhân quả).	b)	<i>Kể từ hôm đó, ... bị đẩy ra ngoài.</i>	Các vế câu trong câu ghép này có quan hệ ngữ nghĩa rất chặt chẽ với nhau (quan hệ nhượng bộ)	c)	- C2: <i>Buổi sớm ... mới quang (3 vế)</i> - C3: <i>(Buổi chiều ... mặt biển (2 vế)</i>	Các vế câu này thể hiện những hiện tượng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau: - C2: ba vế câu chỉ ba hiện tượng có chung bối cảnh thời gian là <i>buổi sớm</i> và có mối quan hệ nhân quả: <i>Mặt Trời lên ngang cột buồm - sương tan - trời mới quang.</i> - C3: hai vế câu chỉ hai hiện tượng có chung bối cảnh thời gian (<i>buổi chiều</i>) và cũng có mối quan hệ nhân quả: <i>nắng vừa</i>
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3																																				
Đoạn văn	Câu ghép	Tại sao không tách các vế thành câu đơn																																		
a)																																				
b)																																				
c)																																				
d)																																				
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3																																				
Đoạn văn	Câu ghép	Giải thích lí do																																		
a)	<i>Nhưng vì Choắt bám sinh yếu đuối nên tôi coi thường...</i>	Các vế câu có quan hệ ngữ nghĩa rất chặt chẽ với nhau (quan hệ nhân quả).																																		
b)	<i>Kể từ hôm đó, ... bị đẩy ra ngoài.</i>	Các vế câu trong câu ghép này có quan hệ ngữ nghĩa rất chặt chẽ với nhau (quan hệ nhượng bộ)																																		
c)	- C2: <i>Buổi sớm ... mới quang (3 vế)</i> - C3: <i>(Buổi chiều ... mặt biển (2 vế)</i>	Các vế câu này thể hiện những hiện tượng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau: - C2: ba vế câu chỉ ba hiện tượng có chung bối cảnh thời gian là <i>buổi sớm</i> và có mối quan hệ nhân quả: <i>Mặt Trời lên ngang cột buồm - sương tan - trời mới quang.</i> - C3: hai vế câu chỉ hai hiện tượng có chung bối cảnh thời gian (<i>buổi chiều</i>) và cũng có mối quan hệ nhân quả: <i>nắng vừa</i>																																		
<p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS hoàn thiện nhiệm vụ vào PHT</p>																																				
<p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- GV yêu cầu đại diện một đến hai nhóm HS trình bày sản phẩm; các nhóm khác quan sát, nhận xét, bổ sung.</p>																																				
<p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV nhận xét, chốt đáp án, khắc sâu kĩ năng nhận biết câu ghép, phân biệt câu ghép với câu đơn, giải thích lí do viết câu ghép (thể hiện mối quan hệ chặt chẽ về nghĩa giữa các vế câu).</p>																																				

		<p><i>nhật - sương đã buông nhanh xuống mặt biển.</i></p>
	<p>d) <i>Anh Sáu ... nữa</i></p>	<p>Các vế câu có quan hệ ngữ nghĩa chặt chẽ với nhau (quan hệ nhân quả giữa <i>lo tiếp khách</i> và <i>không chú ý đến con</i>).</p>
<p>* HĐ4: GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 4</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập 4: Câu ghép nào có thể lược bỏ chủ ngữ và giải thích, yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập.</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thảo luận, trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- GV yêu cầu đại diện một nhóm HS trình bày sản phẩm; các nhóm khác quan sát, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV nhận xét, chốt đáp án, khắc sâu kĩ năng phân tích và biến đổi câu ghép (cần xác định chủ ngữ để biến đổi câu: nếu câu CN cùng chỉ về một đối tượng thì có thể lược được; khi câu có chủ ngữ chỉ hai đối tượng trở lên sẽ không lược được vì nó ảnh hưởng đến nghĩa của câu).</p>	<p>4. Bài tập 4</p> <p>- Câu a: có hai vế câu, chủ ngữ của hai vế câu này chỉ những sự vật khác nhau (<i>nàng</i> và <i>mọi người</i>).</p> <p>=> Vì vậy, không thể lược bỏ chủ ngữ ở một trong hai vế câu (vì việc lược bỏ sẽ dẫn đến sự thay đổi ý nghĩa hoặc làm người đọc hiểu sai ý nghĩa của câu).</p> <p>- Câu b: có hai vế câu (hai cụm chủ vị) với chủ ngữ đều là <i>tôi</i> (<i>Tôi chứng kiến, tôi bị xúc động</i>)</p> <p>=> nên có thể lược bỏ chủ ngữ ở một trong hai vế mà không dẫn đến sự thay đổi ý nghĩa hoặc hiểu sai ý nghĩa của câu.</p> <p>- Câu c: có hai vế câu, chủ ngữ của hai vế câu này cũng chỉ những sự vật khác nhau (<i>sếu</i> và <i>Tam Nông</i>).</p> <p>=> Vì vậy, cũng không thể lược bỏ chủ ngữ ở một trong hai vế câu.</p>	

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức về câu đơn, câu ghép viết đoạn văn (khoảng 8 đến 10 dòng) trình bày suy nghĩ về vai trò của việc đọc sách đối với sự phát triển của mỗi người, trong đó có sử dụng một câu ghép. Chỉ ra câu ghép được sử dụng trong đoạn văn đã viết.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH dạy học đàm thoại gợi mở, nêu vấn đề yêu cầu HS viết đoạn văn.

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm																												
<p>* GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 5</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập. <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS HĐ cá nhân tạo lập đoạn văn đảm bảo nội dung của đề bài <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi đại diện 2 – 3 HS trình bày đoạn văn; HS khác lắng nghe, nhận xét; đánh giá nội dung đoạn văn theo bảng kiểm: <table border="1" data-bbox="220 865 977 1778"> <thead> <tr> <th colspan="4" data-bbox="220 865 977 1058" style="text-align: center;">BẢNG KIỂM Đoạn văn trình bày suy nghĩ về vai trò của việc đọc sách đối với sự phát triển của mỗi người</th> </tr> <tr> <th data-bbox="220 1058 602 1251">Yêu cầu</th> <th data-bbox="602 1058 695 1251">Đạt</th> <th data-bbox="695 1058 826 1251">Chưa đạt</th> <th data-bbox="826 1058 977 1251">Dự kiến chỉnh sửa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="220 1251 602 1356">1. Đảm bảo hình thức đoạn văn (từ 8 đến 10 dòng)</td> <td data-bbox="602 1251 695 1356"></td> <td data-bbox="695 1251 826 1356"></td> <td data-bbox="826 1251 977 1356"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="220 1356 602 1537">2. Nội dung: suy nghĩ về vai trò của việc đọc sách đối với sự phát triển của mỗi người</td> <td data-bbox="602 1356 695 1537"></td> <td data-bbox="695 1356 826 1537"></td> <td data-bbox="826 1356 977 1537"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="220 1537 602 1604">2.1. Mở đoạn</td> <td data-bbox="602 1537 695 1604"></td> <td data-bbox="695 1537 826 1604"></td> <td data-bbox="826 1537 977 1604"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="220 1604 602 1709">2.2. Thân đoạn, có sử dụng câu ghép</td> <td data-bbox="602 1604 695 1709"></td> <td data-bbox="695 1604 826 1709"></td> <td data-bbox="826 1604 977 1709"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="220 1709 602 1778">2.3. Kết đoạn</td> <td data-bbox="602 1709 695 1778"></td> <td data-bbox="695 1709 826 1778"></td> <td data-bbox="826 1709 977 1778"></td> </tr> </tbody> </table>	BẢNG KIỂM Đoạn văn trình bày suy nghĩ về vai trò của việc đọc sách đối với sự phát triển của mỗi người				Yêu cầu	Đạt	Chưa đạt	Dự kiến chỉnh sửa	1. Đảm bảo hình thức đoạn văn (từ 8 đến 10 dòng)				2. Nội dung: suy nghĩ về vai trò của việc đọc sách đối với sự phát triển của mỗi người				2.1. Mở đoạn				2.2. Thân đoạn, có sử dụng câu ghép				2.3. Kết đoạn				<p><i>Ví dụ minh họa:</i></p> <p>Sách là kho tàng tri thức của nhân loại. Mỗi người muốn phát triển bản thân, ngoài việc học hỏi, tích lũy tri thức, kinh nghiệm từ thực tế cuộc sống và từ những người xung quanh, không thể không đọc sách. Việc đọc sách giúp con người làm giàu vốn hiểu biết về tự nhiên, xã hội; rèn luyện, phát triển năng lực tư duy; bồi dưỡng tâm hồn, hướng tới lẽ sống, tư tưởng, tình cảm cao đẹp. Chính vì việc đọc sách có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của mỗi người nên xưa nay, những người có chí tiến thủ luôn coi sách là người bạn, coi đọc sách là việc yêu thích. ((Sách giáo viên <i>Cánh diều</i>)</p> <p>Câu ghép: Chính vì việc đọc sách có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của mỗi người nên xưa nay, những người có chí tiến thủ luôn coi sách là người bạn, coi đọc sách là việc yêu thích.</p>
BẢNG KIỂM Đoạn văn trình bày suy nghĩ về vai trò của việc đọc sách đối với sự phát triển của mỗi người																													
Yêu cầu	Đạt	Chưa đạt	Dự kiến chỉnh sửa																										
1. Đảm bảo hình thức đoạn văn (từ 8 đến 10 dòng)																													
2. Nội dung: suy nghĩ về vai trò của việc đọc sách đối với sự phát triển của mỗi người																													
2.1. Mở đoạn																													
2.2. Thân đoạn, có sử dụng câu ghép																													
2.3. Kết đoạn																													

<p>3. Đảm bảo các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp diễn đạt.</p>				
<p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV nhận xét, nhấn mạnh kĩ năng viết đoạn NLXH về vấn đề vai trò của việc đọc sách đối với sự phát triển của mỗi người</p> <p>+ Xác định nội dung chính của đoạn văn</p> <p>+ Phát triển đoạn bằng một số câu văn, có sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.</p> <p>+ Sử dụng câu ghép trong đoạn văn.</p> <p>+ Đảm bảo không sai về chính tả, ngữ pháp diễn đạt trong sáng.</p>				
<p>* Sản phẩm tham khảo thêm:</p> <p>Sách là tài sản vô giá, là người bạn tốt bởi sách là nơi lưu trữ toàn bộ sản phẩm tri thức của con người, giúp ích cho con người về mọi mặt trong đời sống xã hội. Khi bạn đọc sách sẽ giúp có thêm tri thức, mở rộng hiểu biết, thu thập thông tin một cách nhanh nhất. Sách bồi dưỡng tinh thần, tình cảm cho mọi người, để chúng ta trở thành người tốt. Sách là người bạn đồng viên, chia sẻ làm vui đi nỗi buồn. Để việc đọc sách đạt hiệu quả cao nhất, đầu tiên chúng ta phải biết chọn được những cuốn sách tốt, có giá trị để đọc. Khi đọc phải đọc kỹ, vừa đọc vừa nghiền ngẫm suy nghĩ, ghi chép những điều bổ ích; đồng thời thực hành, vận dụng những điều học được từ sách vào cuộc sống hàng ngày và rút ra bài học cho bản thân. Mỗi người hãy lựa chọn cho mình những quyển sách tốt nhất để học tập và trau dồi bản thân, giúp cho cuộc sống này trở nên ý nghĩa hơn.</p> <p>Câu ghép: Sách là tài sản vô giá, là người bạn tốt bởi sách là nơi lưu trữ toàn bộ sản phẩm tri thức của con người, giúp ích cho con người về mọi mặt trong đời sống xã hội.</p>				

*** GV hướng dẫn chuẩn bị tiết học sau: *Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết***

- Đọc lại phần viết Bài 4,5,8 SGK Ngữ văn 8 (viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống và một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học); đọc trước phần Định hướng (SGK/130) và phần thực hành theo các bước viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.

- Thực hiện bước chuẩn bị cho đề bài “*Suy nghĩ của em về vấn đề một số học sinh ngại đọc sách và cách khắc phục*” theo hướng dẫn sau:

Thực trạng	Nguyên nhân	Hậu quả	Giải pháp
(Giấy note màu vàng)	(Giấy note màu xanh lá)	(Giấy note màu hồng)	(Giấy note màu xanh dương)

- Tìm hiểu và ghi chép một số thông tin về vấn đề đọc sách của người Việt và giới trẻ. Gợi ý một số đường link tham khảo:

+ <https://bvhttdl.gov.vn/tao-lap-the-he-thich-doc-sach-trong-tuong-lai-20230918085752898.htm>

+ <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/van-hoa-doc-o-mot-so-nuoc-va-kinh-nghiem-doi-voi-viet-nam-611710.html>

+ <https://tuyengiao.vn/phat-trien-van-hoa-doc-trong-doi-song-cong-dong-148807>

+ <https://znews.vn/4-de-xuat-phat-trien-van-hoa-doc-cho-tphcm-trong-nam-2019-post889165.html>

+ https://f2.hcm.edu.vn/%2Fdata%2Fhcmedu%5Cthtranqgcoq10%5Cattachments%2F2018_10%2Fthamluan_roomtoread_pdf_810201812.pdf

Ngày soạn: 15/12/2024	Tiết PPCT	Ngày dạy	27/12/2024	28/12/2024	02/01/2025
	63,64,65	Lớp	9D	9D	9D
		Tiết (TKB)	1	3	1(Chiều)

BÀI 5. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Tiết 63-64-65: VIẾT

Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết
(Thời lượng thực hiện: 3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Viết được bài nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi, có sức thuyết phục
- Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích được tại sao vấn đề này đáng được giải quyết.
- Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.
- Đối thoại với những ý kiến khác nhằm khẳng định quan điểm của người viết.
- Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.

2. Năng lực

* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp và lập văn bản.
- Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV; tài liệu tham khảo về văn bản nghị luận xã hội, máy tính...

2. Học sinh

- Đọc VB, soạn bài
- SGK, vở ghi, đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

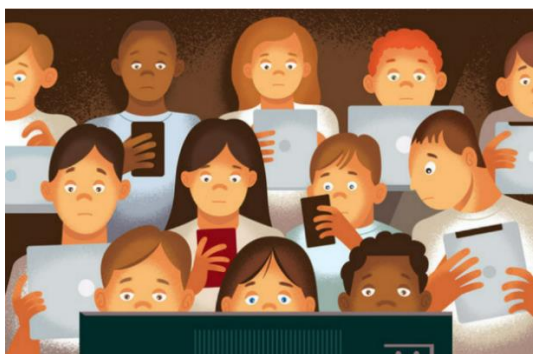
a. Mục tiêu: Tạo tâm thế, tư duy sẵn sàng tham gia bài học cho HS.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH nêu vấn đề để khơi gợi quan điểm, suy nghĩ của HS về các vấn đề xã hội cần giải quyết.

c. Sản phẩm: Những chia sẻ, quan điểm, suy nghĩ của HS về vấn đề.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV nêu yêu cầu: Quan sát các hình ảnh minh họa cho một số vấn đề xã hội gắn gũi với đời sống của HS. Hãy chọn một vấn đề mình quan tâm và trình bày suy nghĩ, quan điểm của em về vấn đề đó.



- HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của giáo viên.

- GV gọi 4 – 6 HS chia sẻ quan điểm, suy nghĩ của bản thân về vấn đề (chỉ ghi nhận ý kiến của HS, không tranh luận, phản biện,...)

- GV tuyên dương, khen ngợi quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, đồng thời kết nối vào bài học.

(VD: Đời sống xã hội luôn luôn vận hành và ngày càng phát triển, vì thế cũng đặt ra cho chúng ta rất nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Vậy để trình bày quan điểm, ý kiến về những vấn đề ấy dưới dạng một bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết thì cần thực hiện theo quy trình như thế nào, cần đảm bảo yêu cầu gì? Chúng ta cùng đi tìm câu trả lời trong phần tiếp theo của bài học nhé!)

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được đặc điểm của kiểu bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.
- Hiểu được yêu cầu, quy trình viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.
- Hiểu được cách phân tích vấn đề, từ đó đưa ra những giải pháp khả thi, hiệu quả để thuyết phục được người đọc.
- Hiểu được tầm quan trọng của những điều cần lưu ý khi thực hành viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.

b. Nội dung: GV sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi và think – pair – share hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào phần Định hướng đã tìm hiểu ở nhà, thảo luận cặp đôi, trả lời các câu hỏi sau: <p>(1) Bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết ở lớp 9 có yêu cầu chung như thế nào?</p> <p>(2) Chúng ta cần phải chú ý điều gì khi viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết?</p> <p>(3) Vì sao với dạng bài này người viết phải thể hiện rõ mục đích thái độ của bản thân mình?</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS dựa vào nhiệm vụ ở nhà, chuẩn bị câu trả lời theo yêu cầu của GV. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1 – 2 HS trả lời câu hỏi (1), 2 – 3 HS trả lời câu hỏi (2) và chia sẻ lí giải vì sao cần thực hiện những chú ý đó; HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung cho bạn. <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p>	<p>I. Định hướng</p> <p>1. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên được vấn đề cần giải quyết. - Triển khai tường minh, mạch lạc; làm rõ những hạn chế của vấn đề cần được khắc phục (hiện trạng, hậu quả, nguyên nhân) - Trình bày được một số biện pháp khả thi và có sức thuyết phục để giải quyết những hạn chế của vấn đề. <p>2. Lưu ý khi viết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề cần giải quyết: sự việc, hiện tượng mang tính thời sự, có ý nghĩa xã hội, đang còn những hạn chế cần được giải quyết; vấn đề có tính thiết thực và phù hợp với mối quan tâm của các em. - Bài viết trình bày rõ những hạn chế của vấn đề; nêu và lí giải được một số giải pháp khắc phục những hạn chế đó. - Luận đề của bài viết cần được làm sáng tỏ bằng các luận điểm, với đủ lí lẽ và bằng chứng phong phú, xác thực, có sức thuyết phục,... - Người viết cần thể hiện rõ mục đích, thái độ của bản thân về vấn đề thông qua lí lẽ, bằng chứng và giọng điệu.

<p>- GV tổng hợp và đưa ra định hướng cụ thể; đồng thời khắc sâu tầm quan trọng của những yêu cầu và những điểm cần lưu ý khi viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.</p>	
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- Thực hành quy trình 4 bước viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết;
- Rèn luyện kỹ năng viết: sử dụng thao tác nghị luận chứng minh và bác bỏ trong văn nghị luận.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, dạy học theo nhóm, dạy học cá nhân để hướng dẫn HS thực hành viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến
<p>* HĐ1: Chuẩn bị Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm (2 bàn hình thành 1 nhóm) trao đổi, chia sẻ kết quả chuẩn bị bài ở nhà và tổng hợp các thông tin về thực trạng đọc sách của học sinh hiện nay, những nguyên nhân, tác hại và giải pháp bằng cách ghi ra các tờ giấy note (trương ứng theo các màu vàng, xanh lá, hồng, xanh dương).</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS hình thành nhóm, thực hiện nhiệm theo hướng dẫn của GV.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- GV chia bảng làm 4 cột lớn, yêu cầu các nhóm dán các tờ giấy note lên bảng theo từng cột; sau đó tổ chức cho HS thảo luận về các thông tin được dán trên bảng, giữ lại những thông tin tốt,</p>	<p>II. Thực hành</p> <p>1. Bài tập: Suy nghĩ của em về vấn đề một số học sinh ngại đọc sách và cách khắc phục.</p> <p>a. Bước 1: Chuẩn bị (HS thực hiện ở nhà)</p> <p><i>Vi dụ:</i></p> <p>(1) <i>Thực trạng:</i></p> <p>- Đa số người Việt Nam, đặc biệt là người trẻ, học sinh hiện nay không thích đọc sách.</p> <p>+ Khảo sát của Trung tâm nghiên cứu Việt Nam và Đông Nam Á vào năm 2015: 26% người Việt không bao giờ đọc sách, 44% thi thoảng mới đọc, 30% có đọc thường xuyên.</p> <p>+ Báo cáo khảo sát <i>Niềm tin - Thói quen đọc trong giới trẻ tại TP Hồ Chí Minh</i> do Công ty TNHH Đường Sách TP Hồ Chí Minh thực hiện từ tháng 4 – 6/2019: ở độ tuổi tiểu học có 35% học sinh không thích đọc sách; 42% thích đọc và 23% thỉnh</p>

loại bỏ những thông tin chưa chính xác, không phù hợp. (Bảng			
Thực trạng	Nguyên nhân	Hậu quả	Giải pháp
(Giấy note màu vàng)	(Giấy note màu xanh lá)	(Giấy note màu hồng)	(Giấy note màu xanh dương)
<p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV nhận xét, tổng hợp kết quả, khen ngợi kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS; có thể cung cấp thêm thông tin (nếu cần) để hỗ trợ HS. Lưu ý HS về tầm quan trọng của bước chuẩn bị trong quá trình viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.</p>			
<p>thoảng mới đọc (tương tự con số 16% - 36% - 48% đối với học sinh cấp 2).</p> <p>- Học sinh chủ yếu đọc sách giáo khoa, sách tham khảo phục vụ việc học tập các môn học ở trường.</p> <p>+ Theo thống kê của Cục xuất bản, trung bình mỗi người Việt Nam hưởng thụ hơn 4,2 bản sách/năm, tuy nhiên, trong số đó đã hơn 3 cuốn là sách giáo khoa, sách tham khảo.</p> <p>(2) Nguyên nhân:</p> <p>- Không được hình thành thói quen đọc sách từ nhỏ trong gia đình và trường học.</p> <p>- Sự phát triển mạnh mẽ của internet, thiết bị công nghệ và sự hấp dẫn của các nội dung trực tuyến.</p> <p>- Áp lực, thời gian dành cho học tập và làm việc quá nhiều.</p> <p>- Thiếu không gian, môi trường và những người dẫn dắt, đồng hành đọc.</p> <p>(3) Tác hại:</p> <p>- Hạn chế khả năng phát triển ngôn ngữ, giao tiếp.</p> <p>- Thiếu kiến thức khoa học, xã hội.</p> <p>- Thiếu hiểu biết về bản thân, hạn chế trong quản lí cảm xúc.</p> <p>- Không hình thành và phát huy được năng lực tự học.</p> <p>(4) Giải pháp:</p> <p>- HS cần rèn luyện, hình thành thói quen đọc sách, lựa chọn những cuốn sách phù hợp, hấp dẫn với lứa tuổi và sở thích để bắt đầu,...</p>			

<p>* HD2: Tìm ý và lập dàn ý</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, dựa vào các nội dung đã chuẩn bị, thực hành tìm ý và lập dàn ý vào PHT số 1.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gia đình cần nuôi dưỡng tình yêu và xây dựng thói quen đọc sách cho trẻ từ tuổi ấu thơ. - Trường học cần chú trọng việc xây dựng văn hóa đọc, xây dựng môi trường đọc sách hiệu quả và hình thành, phát triển kỹ năng đọc hiểu cho học sinh một cách nghiêm túc, thực chất (không chỉ qua các môn học bắt buộc theo quy định của Chương trình). - Cộng đồng, các tổ chức, cá nhân thiện nguyện thực hiện các Dự án xây dựng thư viện, tặng sách, tổ chức đọc sách cho trẻ em và HS. - Nhà nước ban hành các quy định, chủ trương, chính sách gắn liền với từng gia đình, nhà trường, cộng đồng xã hội về văn hóa đọc. <p>b. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý</p>
--	---

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 Lập dàn ý cho bài văn nghị luận xã hội về vấn đề một số học sinh ngại đọc sách và cách khắc phục		
Phần	Yêu cầu	Nội dung
Mở bài	<ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề học sinh ngại đọc sách. - Nêu quan điểm, ý kiến, nhận xét chung về vấn đề 	
Thân bài	- Trình bày cụ thể các biểu hiện của vấn đề HS ngại đọc sách.	
	<ul style="list-style-type: none"> - Lí giải về những tác hại của việc ngại đọc sách: + Đối với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội... + Đối với hiện tại, tương lai 	

	<ul style="list-style-type: none"> + Đối với nhận thức, tình cảm, suy nghĩ, tình cảm, tâm lí, tính cách... + ... 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra những nguyên nhân khiến học sinh ngại đọc sách, ví dụ: + Nguyên nhân chủ quan, khách quan + Nguyên nhân trực tiếp, gián tiếp + Nguyên nhân từ bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng... +... 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất những biện pháp khắc phục vấn đề ngại đọc sách của học sinh (nên làm gì và làm như thế nào) đối với: + Bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, cộng đồng + Từ nhận thức đến hành động... + Trước mắt, lâu dài + ... 	
Kết bài	<ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định quan điểm của bản thân về vấn đề 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu lên suy nghĩ, mong muốn của bản thân liên quan đến vấn đề 	
<p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS căn cứ các thông tin trong phần chuẩn bị, xây dựng dàn ý cá nhân theo hướng dẫn của GV. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1 - 2 HS chiếu và trình bày dàn ý; tổ chức cho cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung cho dàn ý của bạn. <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tổng hợp ý kiến, đưa ra những định hướng và gợi ý hoàn thiện dàn ý của HS. 		
* HD3: Viết		<i>c. Bước 3: Viết</i>

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV hướng dẫn và yêu cầu HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ sau:</p> <p>(1) Ở trên lớp:</p> <p>+ GV chia lớp thành 4 nhóm lớn, yêu cầu HS trong mỗi nhóm lớn thực hành cá nhân viết các đoạn văn trong phần thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhóm 1: Viết đoạn văn trình bày hiện trạng của vấn đề học sinh ngại đọc sách. • Nhóm 2: Viết đoạn văn nêu tác hại/hậu quả/những tác động của việc ngại đọc sách đối với học sinh hiện nay. • Nhóm 3: Viết đoạn văn lí giải những nguyên nhân dẫn đến thực trạng học sinh ngại đọc sách. • Nhóm 4: Viết đoạn văn đề xuất một số giải pháp khắc phục vấn đề học sinh ngại đọc sách. <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc lập thực hiện lần lượt các nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>+ GV gọi 4 HS bất kì chiếu, trình bày đoạn văn và tổ chức chữa chung (chữa mẫu); sau đó yêu cầu HS chữa chéo bài tập theo nhóm lớn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm chung những ưu điểm, hạn chế của HS trong quá trình thực hành viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.</p> <p>(2) Ở nhà: Yêu cầu HS hoàn thiện bài viết nộp vào padlet/FB lớp học.</p>	<p>* Trên lớp:</p> <p>- Viết các đoạn văn trong phần thân bài: thực trạng, hậu quả, nguyên nhân, giải pháp.</p> <p>* Về nhà:</p> <p>- Viết bài văn hoàn chỉnh.</p>
<p>* HD4: Kiểm tra và chỉnh sửa</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV phát và hướng dẫn HS tìm hiểu hướng dẫn chấm; chọn và tổ chức chấm chung 2 bài viết của</p>	<p>d. Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa</p>

<p>HS trong lớp (1 bài tốt, 1 bài chưa tốt); sau đó cho HS tự chấm và chấm chéo theo dãy.</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ theo điều hành của GV.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- GV thống kê mức điểm HS đạt được, cho HS chia sẻ những bài học kinh nghiệm sau khi tham gia đánh giá bài viết của mình và của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV tổng kết, khen ngợi những điểm tích cực, lưu ý những điểm hạn chế trong bài viết của HS.</p>	
---	--

BẢNG KIỂM				
Bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết				
Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt	Đề xuất/dự kiến chỉnh sửa
Mở bài	- Dẫn dắt, giới thiệu được vấn đề cần giải quyết.			
	- Nêu quan điểm, ý kiến, nhận xét chung về vấn đề			
Thân bài	- Giải thích vấn đề (nếu có)			
	- Trình bày cụ thể các biểu hiện của vấn đề, có bằng chứng xác thực.			
	- Lí giải về những tác hại của vấn đề.			
	- Chỉ ra được những nguyên nhân làm phát sinh/thúc đẩy vấn đề.			
	- Đề xuất được một số biện pháp khắc phục vấn đề và chứng minh được tính khả thi, thuyết phục của giải pháp.			
	- Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được triển khai theo một trình tự khoa học, hợp lí, logic.			

	- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.			
	- Thể hiện rõ mục đích thái độ của người viết qua giọng điệu			
Kết bài	- Khẳng định quan điểm của bản thân về vấn đề			
	- Nêu lên suy nghĩ, mong muốn của bản thân liên quan đến vấn đề			
Diễn đạt	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu			
<p>* HĐ5: Chia sẻ kĩ năng, kinh nghiệm thực hành viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết theo quy trình</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm cặp, nhìn lại quá trình thực hành viết, chia sẻ những yêu cầu, kĩ năng, kinh nghiệm trong việc thực hiện quy trình viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS hình thành nhóm, chia sẻ theo hướng dẫn của GV.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- GV gọi một số HS chia sẻ những yêu cầu, kĩ năng, kinh nghiệm của bản thân và các thành viên trong nhóm.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV tổng kết, chốt lại những lưu ý quan trọng khi thực hiện quy trình viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.</p>		<p>2. Lưu ý khi thực hiện quy trình viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết</p> <p>- Chuẩn bị: đây là bước rất quan trọng trong quá trình thực hiện viết bài văn nghị luận xã hội.</p> <p>+ Quá trình tích lũy thông tin, kiến thức cần được diễn ra thường xuyên, cập nhật trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.</p> <p>+ Đứng trước một vấn đề cần giải quyết, cần có sự tìm hiểu, nghiên cứu, tham khảo kĩ càng để đưa ra được những nguyên nhân và giải pháp hiệu quả, khả thi.</p> <p>- Tìm ý và lập dàn ý: xây dựng hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng cho bài viết theo trình tự hợp lí, logic đảm bảo 2 yêu cầu phân tích vấn đề và đưa ra được những giải pháp khắc phục hạn chế của vấn đề.</p> <p>- Viết: kết hợp nhuần nhuyễn các lí lẽ, bằng chứng, lập luận chặt chẽ, logic, và thể hiện được quan điểm cá nhân thật rõ ràng, thuyết phục.</p> <p>- Kiểm tra: tự đánh giá, đánh giá chéo và đánh giá quá trình thực hành viết của bản</p>		

	<p>thân và người khác. Rút ra những bài học kinh nghiệm cho bản thân.</p>
<p>* HĐ6: Tìm hiểu cách thức sử dụng thao tác nghị luận chứng minh và bác bỏ trong văn nghị luận</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu: Đọc phần 2.2.a (SGK/132) để tìm hiểu thao tác nghị luận chứng minh và bác bỏ trong văn nghị luận và cho biết chứng minh và bác bỏ là gì, khi thực hiện thao tác chứng minh và bác bỏ chúng ta cần thực hiện như thế nào?</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày câu trả lời; HS còn lại nhận xét, bổ sung cho bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, chốt kiến thức và chú ý quan trọng khi thực hành sử dụng thao tác nghị luận chứng minh và bác bỏ trong bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: <i>Phương tiện chủ yếu của thao tác chứng minh là dùng bằng chứng tiêu biểu, điển hình; những bằng chứng này được phân tích, lí giải nhằm làm sáng tỏ một ý kiến để thuyết phục người đọc, người nghe tin tưởng vào tính đúng đắn, đáng tin cậy của vấn đề nêu lên. Phương tiện chủ yếu của thao tác bác bỏ là dùng những lí lẽ, lập luận để phủ nhận ý kiến, quan điểm thiếu chính xác của người khác, làm rõ sự sai trái, cần phê phán; từ đó khẳng định ý kiến của mình để thuyết phục người đọc, người nghe.</i></p> <p>* HĐ7: Xác định ý kiến bác bỏ và ý kiến khẳng định</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc nhóm bàn thực hiện nhiệm vụ sau: Đọc đoạn văn trích trong “Hịch</p>	<p>3. Rèn luyện kĩ năng viết: sử dụng thao tác nghị luận chứng minh và bác bỏ trong văn nghị luận</p> <p>a. Cách thức:</p> <p>- Chứng minh và bác bỏ là 2 thao tác lập luận đều chủ yếu dùng lý lẽ và bằng chứng đã được thừa nhận để thuyết phục người đọc về tính đúng đắn, đáng tin cậy hoặc làm rõ sự sai trái thiếu chính xác, cần phê phán,... của một ý kiến.</p> <p>- Các lý lẽ, bằng chứng dùng để chứng minh và bác bỏ cần được lựa chọn, phân tích một cách khách quan thì mới có sức thuyết phục.</p> <p>- Muốn chứng minh hay bác bỏ trước hết người viết phải xác định được ý kiến cần chứng minh bác bỏ là gì, từ những ý kiến đó đưa ra các lý lẽ (ý kiến ấy đúng/sai ở chỗ nào? Vì sao?...) và nêu bằng chứng để chứng minh hoặc bác bỏ.</p> <p>b. Bài tập:</p> <p>Bài tập 1:</p>

<p>tướng sĩ” (Trần Quốc Tuấn) và cho biết tác giả muốn bác bỏ ý kiến nào, khẳng định ý kiến nào?</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- GV gọi 1 – 2 đại diện HS trình bày câu trả lời; HS còn lại nhận xét, góp ý, bổ sung cho nhóm bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV nhận xét, chốt đáp án.</p> <p><i>* HĐ8: Thực hành viết đoạn văn có sử dụng thao tác nghị luận chứng minh và bác bỏ trong văn nghị luận</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV chiếu yêu cầu bài tập (SGK/132).</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hành viết đoạn vào vở ghi.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- GV gọi 2 - 3 HS chiếu và trình bày đoạn văn; HS còn lại nhận xét, góp ý, bổ sung cho phần viết của bạn.</p> <p>- GV nhận xét, ghi nhận và rút kinh nghiệm cho HS trong quá trình thực hành sử dụng thao tác nghị luận chứng minh và bác bỏ trong bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.</p>	<p>- Trong đoạn văn tác giả muốn bác bỏ tư tưởng sống hưởng thụ cá nhân, thờ ơ, thiếu cảnh giác của tướng sĩ trong hoàn cảnh đất nước đang “ngàn cân treo sợi tóc”. Cách thức:</p> <p>+ Đưa ra hàng loạt dẫn chứng về những hành động, việc làm của các tướng sĩ và hậu quả.</p> <p>+ Câu hỏi tu từ: “Lúc bấy giờ, đâu các người muốn vui vẻ phỏng có được không?”</p> <p>→ Từ đó ngầm khẳng định con đường sống duy nhất và đúng đắn nhất của tướng sĩ lúc này là phải chuẩn bị tốt cho cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, giữ nước, giữ nhà. Lợi ích vững bền của cá nhân, gia đình luôn gắn với lợi ích của quốc gia, dân tộc.</p> <p>Bài tập 2: Viết đoạn văn (10 đến 12 dòng) để khẳng định hoặc bác bỏ một trong số ý kiến sau:</p> <p>+ Việc tự học của mọi người ngày càng thuận lợi.</p> <p>+ Chọn được sách hay, sách tốt để đọc không phải dễ dàng.</p>
--	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu những vấn đề cần giải quyết trong đời sống của mình và vận dụng viết bài văn nghị luận xã hội về một trong số những vấn đề đó.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH nêu vấn đề để hướng dẫn HS thực hành kỹ năng viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.

c. Sản phẩm: Danh sách liệt kê các vấn đề xã hội cần giải quyết và bài viết cá nhân của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ ở nhà:

(1) Tìm hiểu và liệt kê ít nhất 10 vấn đề xã hội cần giải quyết trong đời sống của em.

(2) Lựa chọn một vấn đề em quan tâm nhất, viết bài văn nghị luận xã hội trình bày suy nghĩ của em về vấn đề đó và những giải pháp khắc phục.

- HS hoàn thành nhiệm vụ ở nhà theo yêu cầu của GV.

- GV yêu cầu HS nộp bài lên padlet/facebook lớp học.

- Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá và chấm điểm cho bài viết của bạn trên trang padlet/facebook lớp học.

*** HD hướng dẫn HS chuẩn bị tiết học sau: phần Nói và nghe**

- Đọc phần *Định hướng* và thực hiện trước nội dung bài Nói và nghe (SGK/133) để tìm hiểu: Thế nào là trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự? Phần trình bày của bài 5 có gì khác với bài 4?

- Chuyển dàn ý của phần *Viết* sang phần *Nói và nghe* bài tập: *Suy nghĩ của em về vấn đề một số học sinh ngại đọc sách và cách khắc phục.*

- Lập dàn ý cho phần trình bày các đề bài sau:

(1) Những lưu ý khi sử dụng Chat GPT- thành tựu khoa học mới của thế kỉ XXI.

(2) Cần xác định mục đích học thế nào cho đúng?

Sử dụng PHT sau để lập dàn ý:

PHIẾU HỌC TẬP Ở NHÀ		
Chuẩn bị dàn ý cho bài trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự		
Phần	Nội dung	Dự kiến
Mở đầu	Lời chào	
	Lời dẫn dắt để giới thiệu vấn đề sẽ trình bày trong bài nói	

Nội dung	Giải thích về vấn đề sẽ trình bày qua câu hỏi: Sự việc đó là gì?	
	Nêu cụ thể các biểu hiện của sự việc có tính thời sự sẽ trình bày	
	Lí giải về những tác hại của sự việc: + Đối với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội... + Đối với hiện tại, tương lai + Đối với nhận thức, tình cảm, suy nghĩ, tình cảm, tâm lí, tính cách... + ...	
	Chỉ ra những nguyên nhân của sự việc có tính thời sự + Nguyên nhân chủ quan, khách quan + Nguyên nhân trực tiếp, gián tiếp + Nguyên nhân từ bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng... +...	
	Đề xuất những biện pháp khắc phục cho sự việc trình bày + Bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, cộng đồng + Từ nhận thức đến hành động... + Trước mắt, lâu dài + ... (Cần nêu rõ nên làm gì và làm như thế nào)	
	Liên hệ trong đời sống hiện nay từ vấn đề đã trình bày	
Kết thúc	- Khẳng định lại ý kiến của bản thân về sự việc; đưa ra suy nghĩ, mong muốn của bản thân; có thể đưa ra thông điệp, lời nhắn gửi. - Lời cảm ơn và kết thúc bài nói.	

Ngày soạn: 05/12/2024	Tiết PPCT	Ngày dạy	02/01/2025	03/01/2025
	66.67	Lớp	9D	9D
		Tiết (TKB)	2(Chiều)	1

BÀI 5. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI
TIẾT 66-67: PHẦN NÓI VÀ NGHE
Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự
(Thời lượng thực hiện: 2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự

2. Về năng lực

a. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực ngôn ngữ HS tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp, biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (ngôn ngữ hình thể).

3. Về phẩm chất

-*Trách nhiệm:* có ý thức đọc sách để tích lũy kiến thức, mở rộng hiểu biết của bản thân; tự giác và trân trọng việc học

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- SGK, SGV; tài liệu tham khảo về ý kiến về một sự việc có tính thời sự, máy tính...

2. Học sinh

- Đọc VB, soạn bài
- SGK, vở ghi, đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu: Khai thác kiến thức nền, hiểu biết của HS trong trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự, khơi gợi chia sẻ của HS về các sự việc trong thực tế đời sống.

b. Nội dung: GV sử dụng PP nêu vấn đề và kỹ thuật động não, đặt câu hỏi để khai thác kiến thức nền, hiểu biết và chia sẻ của HS.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS chia nhóm bàn, theo dõi video “Thực phẩm bẩn bủa vây tại cổng trường học” và trả lời câu hỏi:

Nội dung video nói về sự việc gì? Tại sao sự việc đó lại mang tính thời sự? Em hãy chia sẻ suy nghĩ của mình về sự việc đó?

Link: <https://www.youtube.com/watch?v=kF9d347HBag>

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS theo dõi video, chuẩn bị câu trả lời theo hướng dẫn của GV.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS trả lời câu hỏi và chia sẻ.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV lắng nghe, định hướng, kết nối vào bài học.

(VD: Như vậy, để biết cách trình bày ý kiến về một sự việc mang tính thời sự và chúng ta cần chú ý những gì để mang lại hiệu quả, cô cùng các em tham gia buổi học hôm nay để giải đáp những nội dung đó.)

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu: HS nhận biết được yêu cầu, kỹ năng trong hoạt động nói nghe trình bày ý kiến về một sự việc mang tính thời sự.

b. Nội dung: HS đọc phần Định hướng SGK/133 xác định yêu cầu, kỹ năng trong hoạt động nói nghe trình bày ý kiến về một sự việc mang tính thời sự.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến
<p>I. Định hướng</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV đặt câu hỏi :</p> <p>(1) Thế nào là sự việc mang tính thời sự? nội dung trình bày của bài 5 có điểm gì khác so với bài 4?</p> <p>(2) Để trình bày ý kiến về một sự việc mang tính thời sự, chúng ta cần lưu ý những điều gì?</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS dựa vào phần đã chuẩn bị, Định hướng, độc lập chuẩn bị câu trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p>	<p>* Sự việc mang tính thời sự là những sự việc đã hoặc đang diễn ra trong thực tiễn, thu hút quan tâm của nhiều người.</p> <p>* Một số lưu ý:</p> <p>- Sự việc trình bày cần phù hợp với lứa tuổi, có tính thời sự, có ý nghĩa giáo dục, thiết thực với việc mở rộng hiểu biết và bồi dưỡng phẩm chất cho HS.</p> <p>- Tìm hiểu kỹ về sự việc, xác định ý kiến của bản thân (đồng tình hay phản đối, cũng có thể đồng tình, phản đối một phần).</p> <p>- Khi trình bày, cần đưa ra được các lí lẽ, kèm theo phân tích những bằng chứng tin</p>

<p>- GV gọi 2-3 HS trả lời; HS khác lắng nghe, đối chiếu với phần chuẩn bị của mình để nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV dựa trên phần HS trình bày để nhận xét, tổng hợp ý kiến và định hướng phần Nói và nghe trình bày ý kiến về một sự việc mang tính thời sự.</p>	<p>cây thể hiện quan điểm của bản thân.</p> <p>- Nên sử dụng một số phương tiện hỗ trợ như tranh, ảnh, hiện vật, video,... và máy chiếu, màn hình (nếu có) để tăng sức thuyết phục cho bài trình bày.</p>
---	---

3. Hoạt động 3: Thực hành, vận dụng

a. Mục tiêu: Thực hành nói và nghe trình bày ý kiến về một sự việc mang tính thời sự.

b. Nội dung: GV sử dụng KTDH động não để HS thực hành quy trình 4 bước nói và nghe trình bày ý kiến về một sự việc mang tính thời sự.

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến
<p>* HĐ1: Kiểm tra việc chuẩn bị kết quả thực hiện nhiệm vụ đã giao trước tiết học cho HS (Thực hiện phần chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý).</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS nhắc lại các nhiệm vụ đã giao; GV chiếu lại PHT giao cho HS.</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS hình thành nhóm 4, trao đổi các nội</p>	<p>II. Thực hành</p> <p>Bài tập: chọn một trong các vấn đề sau đây (hoặc tự xác định vấn đề gắn với sự việc phù hợp, có tính thời sự) để trình bày ý kiến trước nhóm, lớp.</p> <p>(1) Suy nghĩ của em về vấn đề một số học sinh ngại đọc sách và cách khắc phục.</p> <p>(2) Những lưu ý khi sử dụng Chat GPT- thành tựu khoa học mới của thế kỉXXI.</p> <p>(3) Cần xác định mục đích học thế nào cho đúng?</p> <p>a. Chuẩn bị</p> <p>b. Tìm ý và lập dàn ý</p> <p>* Người nói: chuẩn bị nội dung trình bày theo PHT đã giao ở nhà.</p> <p>* Người nghe</p> <p>- Chú ý các điểm cần tập trung theo dàn ý trên để nhận biết nội dung và tính thuyết phục của bài trình bày.</p> <p>- Chỉ ra được ưu điểm, hạn chế (nếu có)</p>

<p>dung đã chuẩn bị.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- GV yêu cầu HS hoàn thiện bố cục bài nói và chọn cử một HS trình bày bài nói trước lớp.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV thống nhất chọn cử HS trình bày bài nói và đưa ra những lưu ý khi nói và nghe.</p> <p><i>* HĐ2: Thực hành nói - nghe; kiểm tra, chỉnh sửa và phản hồi</i></p> <p><i>HĐ 2.1: Nói và nghe theo nhóm</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV chiếu bảng tiêu chí đánh giá trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự, yêu cầu HS làm việc nhóm 4 (hoặc nhóm bàn) tổ chức hoạt động trình bày bài nói trong nhóm, có ghi chép và nhận xét theo các tiêu chí.</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS hình thành nhóm, thực hiện theo hướng dẫn của GV.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- Các nhóm trưởng tổ chức cho thành viên trong nhóm nhận xét những ưu điểm, hạn chế trong phần trình bày của từng thành viên.</p> <p><i>HĐ 2.2: Nói và nghe trước lớp</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV tổ chức cho HS trình bày bài nói trước lớp, HS khác thực hiện kỹ năng nghe và đánh giá theo bảng tiêu chí.</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn</p>	<p><i>c. Nói - nghe và kiểm tra chỉnh sửa</i></p> <p>* Nói theo nhóm</p> <p>* Nói trước lớp</p>
--	---

<p>của GV.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- GV gọi 1 đến 3 HS trình bày bài nói trước lớp; HS khác lắng nghe, đánh giá theo tiêu chí, đưa ra những câu hỏi, trao đổi cần được làm rõ, những kinh nghiệm cho bài nói của bạn; người nói lắng nghe, phản hồi.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV đưa ra đánh giá, nhận xét, rút kinh nghiệm về kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự của HS.</p>	
--	--

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ		
Bài trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự		
	Tiêu chí đánh giá	Nhận xét, đề xuất chỉnh sửa, phản hồi
1. Nội dung	- Bài nói có phần mở đầu (lời chào, lời dẫn dắt để giới thiệu vấn đề cần trình bày) chưa? Phần mở đầu có hấp dẫn, lôi cuốn người nghe không?	
	- Bài nói có giải thích ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu vấn đề trình bày không?	
	- Bài nói có nêu cụ thể được các biểu hiện của sự việc gắn với tính thời sự không?	
	- Bài nói có đưa ra được những lí giải phù hợp, thuyết phục về những tác hại của sự việc với đời sống không?	
	- Bài nói có chỉ ra được những nguyên nhân xác đáng của sự việc có tính thời sự không?	
	- Bài nói có đề xuất được mấy giải pháp, những giải pháp đó có khả thi, hiệu quả để khắc phục sự việc trình bày không?	
	- Bài nói có liên hệ chặt chẽ, thấu đáo, sâu sắc vấn đề với hiện thực đời sống không?	

	- Bài nói đã khẳng định lại ý kiến của bản thân về sự việc; đưa ra suy nghĩ, mong muốn của bản thân hoặc thông điệp, lời nhắn gửi chưa?	
2. Hình thức	- Ngôn ngữ nói: Phát âm, giọng điệu, tốc độ, ngữ điệu, điểm nhấn, ... - Ngôn ngữ cơ thể: Ánh mắt, biểu cảm khuôn mặt, di chuyển, cách đặt tay, ...	
3. Rút kinh nghiệm	- Rút kinh nghiệm gì về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày. - Phần em hài lòng: nội dung, hình thức, thái độ. - Sức thuyết phục của bài nói thể hiện ở yếu tố nào? - Em muốn thay đổi điều gì ở bài nói?	

PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ

Gợi ý đáp án và trả lời các câu hỏi, bài tập trong SGK:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp	B	D	D	A, C, D	A

Câu 6. HS cần chú ý tới những câu văn ở cuối các đoạn để nhận ra thái độ của tác giả về vấn đề nghị luận (cách đọc sách). Tác giả đã đề cập toàn diện ở hai kiểu đọc sách nói chung: đọc không hiệu quả và đọc hiệu quả. Đối với cách đọc sách không hiệu quả, sau khi phân tích, lí giải, tác giả thường trực tiếp bộc lộ thái độ phê phán, phản đối rất thẳng thắn, ví dụ: “Đó là lối đọc sách vô bổ”, “chỉ làm phí thì giờ”, “Đó là điều không nên bắt chước.”, “đừng bao giờ đọc sách như những cách đã nói ở trên”. Đối với cách đọc sách hiệu quả, sau khi phân tích, lí giải, tác giả thường gián tiếp bộc lộ thái độ trân trọng bằng lời lẽ có tính chất gửi gắm, nhắn nhủ, đồng cảm: “những lúc đọc sách, các bạn hãy tạo nên một không khí trang nghiêm và trầm lắng”; “những cuốn sách đó sẽ làm giàu thêm cho ta về kinh nghiệm, về tư tưởng...”, “Cả tâm hồn ta bấy giờ rung động sung sướng, mừng như gặp người tri kỉ đã lâu ngày cách biệt.”...

Câu 7. HS cần chỉ ra được cách lập luận lô gích trên cơ sở so sánh những hiện tượng có đặc điểm tương đồng cùng bình diện. Tác giả đã liên hệ một đặc điểm có tính chất khoa học nhưng rất gần gũi (thức ăn trong dạ dày hấp thụ được là nhờ vào dịch tiêu hoá) với cách xử lí thông tin đọc được từ sách cho hiệu quả (có trở nên bổ ích là do mình biết so sánh, đối chiếu nó với kiến thức đã có của mình). Lập luận như vậy vừa chặt chẽ, thuyết phục vừa tạo hình ảnh cho câu văn, vấn đề trình bày cũng trở nên dễ hiểu.

Câu 8. HS cần dựa vào đặc điểm của văn bản nghị luận để chỉ ra một số yếu tố tạo nên sức

thuyết phục của văn bản này (kết hợp hài hoà các yếu tố tự sự, biểu cảm, miêu tả; sử dụng lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu; các luận điểm trình bày rõ ràng, chặt chẽ,...). Đồng thời, cần vận dụng được cách đưa ý kiến với đủ lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ cho một yếu tố cụ thể trong câu trả lời. Ví dụ:

Kết hợp hiệu quả các yếu tố tự sự, biểu cảm, miêu tả trong văn bản nghị luận. Ngay ở phần (1), khi nói về những cách đọc sách không hiệu quả, không giúp cho việc mở rộng hiểu biết, người viết đã thuật lại những biểu hiện cụ thể của các kiểu đọc giả đọc sách không rời tay nhưng hời hợt, hay đọc lơ mơ, chẳng nhớ được gì,... Người viết đã thể hiện thái độ rõ ràng, dứt khoát bằng câu văn có sử dụng thành phần tình thái (“Tôi dám quả quyết rằng...”); hay những câu văn giàu hình ảnh (“Nhưng thực sự trí họ như con bướm... đóa hoa kia”).

Câu 9. HS cần tìm và lí giải được một điểm thống nhất của hai tác giả thể hiện qua hai văn bản được đọc ở bài 5. Đọc kĩ nội dung hai văn bản sẽ thấy, Chu Quang Tiềm và Nguyễn Duy Cần, hai học giả ở hai thời đại khác nhau, hai đất nước khác nhau nhưng có những quan điểm tương đồng khi bàn về đọc sách. Ví dụ như:

- Đọc sách phải đọc kĩ, nghiền ngẫm, “miệng đọc, tâm ghi”, biến thành động lực tinh thần, phê phán cách đọc “liếc qua” mà đọng lại ít, đọc những sách không có giá trị, lãng phí thời gian, sức lực vào những cuốn sách “vô thưởng vô phạt” (Chu Quang Tiềm). Thống nhất với quan điểm này, Nguyễn Duy Cần cũng cho rằng cần phải tôn nghiêm khi đọc sách, đọc thật tập trung; chỉ đọc những quyển sách hay, có giá trị; phê phán cách đọc ôm đồm (không sót thứ gì) nhưng hời hợt (không hiểu đọc cái gì); hay kiểu đọc tùy hứng, không có mục đích (đọc khúc đầu, khúc đuôi rồi xếp lại,...).

Có thể thấy sự thống nhất rất cao về các quan điểm ủng hộ hay phản đối cách đọc sách của hai tác giả.

Câu 10. HS viết đoạn văn đảm bảo dung lượng (khoảng 10 - 12 dòng) để nói về những suy nghĩ hoặc kế hoạch / dự định giúp cho việc đọc sách của bản thân hiệu quả hơn. Nội dung đoạn văn có tính kết nối với văn bản (*Phải đọc sách cách nào?*). Có thể tập trung vào một số ý sau:

- Bản thân còn những hạn chế gì khi đọc sách (có tương tự như những bất cập được tác giả Nguyễn Duy Cần đã nêu trong bài đọc không)?

- Biện pháp khắc phục như thế nào (Cần làm những việc gì, cần quyết tâm và có thái độ ra sao)?

- Mong muốn điều gì?